TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2024/DS-PT
Ngày: 30-5-2024
V/v"Tranh chấp
hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Thẩm phán: Ông Trần Thanh Tòng.

Bà Võ Thị Hồng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Thoa, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2024/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 212/2024/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị C, sinh năm 1955.
Trú tại: số F, tổ B, Khu phố A, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1952.
Trú tại: số C, đường P, Khu phố C, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1982.

Trú tại: F khu phố L, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người kháng cáo: bà Nguyễn Thị N là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 8 năm 2023 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà C và bà N có quen biết bạn bè với nhau, ngày 28/4/2021 bà C có cho bà N vay số tiền 2.000.000.000 đồng, có viết giấy nợ, lãi suất thỏa thuận bên ngoài là 2%/tháng nhưng không ghi vào giấy nợ, không thỏa thuận thời gian trả nợ.

Bà N có trả tiền lãi cho bà C được khoảng 03-04 lần, bà không nhớ rõ, vài tháng đóng 01 lần đến tháng 12/2022 thì ngưng cho đến nay, bà N đã trả được tiền vốn vay là 150.000.000 đồng. Bà C nhiều lần nhắc nhở việc trả tiền vay nhưng bà N vẫn không trả nên bà C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà C yêu cầu bà N trả cho bà số tiền vốn còn nợ là 1.850.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định tính từ ngày 01/11/2023 đến khi kết thúc phiên tòa.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà xác nhận giấy nợ là chứng cứ của bà Hồ Thị C nộp khởi kiện trong vụ án là giấy mượn tiền do bà viết và ký nhận vào năm 2021, bà N cho rằng giấy nợ này là bà mượn chị S (chị ruột của bà), hai tỷ đồng để đáo hạn ngân hàng. Bà ghi giấy nợ rất đơn giản, chỉ ghi số tiền mượn, ghi ngày, không ghi lãi suất, không ghi ngày trả nợ, có ghi ngày âm lịch, ngày dương lịch vì chị S quen dùng ngày âm lịch. Bà ghi ngày âm lịch để chị S dễ tính lãi, thường bà N chỉ mượn tiền để đáo hạn ngân hàng. Bà chỉ mượn tối đa 03 ngày đến một tuần trả lại. Chị S không yêu cầu bà phải ghi giấy nợ, bà tự ghi để có trách nhiệm, ghi để khi tính lãi chính xác, do đó chị bà cũng không cần bảo quản giấy nợ.

Nay bà Hồ Thị C khởi kiện đòi nợ, chứng cứ là giấy mượn tiền nhận ngày 08/6/2021, bà C yêu cầu bà N trả nợ, bà N không biết gì về số nợ trên, bà không quen biết, không có quan hệ gì với bà C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/DS-ST ngày 19 tháng 02 năm 2024, của Toà án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị C đối với bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C số tiền 1.905.277.000 đồng. Trong đó, tiền vay 1.850.000.000 đồng, tiền lãi là 55.277.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 13/3/2024, bà Nguyễn Thị N làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và ngày 02/4/2024 bà N sửa chữa đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bà Nguyên Thị N1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà thừa nhận có vay tiền bà C số tiền 2.000.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng, 03 ngày sau bà đã trả lại cho bà C, lúc này bà C nói với bà xem có ai vay không giới thiệu cho bà cho vay lấy lãi, bà có giới thiệu cháu bà là anh D cần vốn làm ăn nên có nói với bà C cho anh D vay số tiền trên và bà C đồng ý đưa số tiền bà N1 trả cho anh D vay, hàng tháng anh D có trách nhiệm trả lãi cho bà C. Bà N1 có yêu cầu bà C trả lại giấy nợ nhưng bà C nói đã thất lạc để tìm lại đưa sau, nhưng sau đó bà C không trả lại mà sử dụng giấy nợ này đi kiện bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh D thừa nhận anh có vay số tiền 2.000.000.000 đồng của bà C từ số tiền bà N1 trả cho bà C, hàng tháng anh trả lãi đầy đủ, và trả được tiền vốn là 150.000.000 đồng. Đến ngày 27/5/2023 anh D có làm giấy chốt lại số nợ còn thiếu 1.850.000.000 đồng, bà C đồng ý và ký tên. Nay anh D đồng ý trả số nợ này cho bà C, anh D xin trả tiền vốn và xin không tính tiền lãi, bà N1 đã trả nợ cho bà C xong, không liên quan đến số nợ này.

Tại phiên tòa hôm nay bà C thay đổi yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà N1 trả nợ, đồng ý cho anh D trả số nợ trên và đồng ý cho anh D trả tiền vốn, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà C, bà N1 và anh D đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào sự thỏa thuận của các đương sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N trong thời hạn luật định nên chấp nhận xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyên Thị N1:

[2.1] Tại cấp sơ thẩm, bà nên trình bày bà không có nợ tiền của bà C, không trình bày việc bà giao số tiền trả nợ cho bà C sang cho anh D vay và cũng không yêu cầu đưa anh D vào tham gia tố tụng trong vụ án. Tại cấp phúc thẩm anh D đồng ý tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cấp phúc thẩm đưa anh D vào tham gia tố tụng trong vụ án là có căn cứ.

[2.2] Bà Nguyên Thị N1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà C, bà N1 và anh D đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

Anh Nguyễn Hoàng D có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C số tiền 1.850.000.000 đồng, bà C không yêu cầu tính lãi.

Bà C đồng ý việc bà Nguyễn Thị N không còn nợ bà và bà N không liên quan đến số nợ của anh D.

Xét thấy, việc bà C, bà N và anh D thỏa thuận là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận và sửa bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà N được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Anh Nguyễn Hoàng D có nghĩa vụ trả cho bà Hồ Thị C số tiền 1.850.000.000 đồng (Một tỷ, tám trăm năm mươi triệu đồng). Ghi nhận việc bà C không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh D phải chịu 67.500.000 đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND. TTN;
- TAND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Phòng KTNV&THA.TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Thị Thùy Trang